**HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC SINH 7-TUẦN 1**

**Bài 1. THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT ĐA DẠNG VÀ PHONG PHÚ**

**I. MỤC TIÊU.**

 **1. Kiến thức**

- Học sinh chứng minh sự đa dạng và phong phú của động vật thể hiện ở số loài và môi trường sống.

 **2. Năng lực**

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

|  |  |
| --- | --- |
| N¨ng lùc chung | N¨ng lùc chuyªn biÖt |
| - Năng lực phát hiện vấn đề- Năng lực giao tiếp- Năng lực hợp tác- Năng lực tự học- N¨ng lùc sö dông CNTT vµ TT | - Năng lực kiến thức sinh học- Năng lực thực nghiệm- Năng lực nghiên cứu khoa học  |

**3. Về phẩm chất**

**G**iúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II NGHIÊN CỨU BÀI HỌC

**1:Tìm hiểu sự đa dạng loài và sự phong phú về số lượng cá thể.**

Cá nhân đọc thông tin SGK, quan sát H1.1- 2SGK. Trả lời câu hỏi.

+ Số lượng loài.

 + Kích thước khác nhau.

+ Dù ở biển, hồ hay ao cá đều có nhiều loại động vật khác nhau sinh sống.

+ Ban đêm mùa hè thường có 1 số loài động vật như: Cóc, ếch, dế mèn, phát ra tiếng kêu.

**2: Tìm hiểu sự đa dạng về môi trường sống.**

 HS tự nghiên cứu hoàn thành bài tập.

- HS vận dụng kiến thức đã có, nêu được:

+ Chim cánh cụt có bộ lông dày xốp lớp mỡ dưới da dày: Giữ nhiệt

+ Khí hậu nhiệt đới nóng ẩm thực vật phong phú, phát triển quanh năm, thức ăn nhiều, nhiệt độ phù hợp.

+ Nước ta ĐV phong phú vì nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới.

- HS có thể nêu thêm một số loài khác ở các môi trường như: Gấu trắng Bắc cực, …

**III NỘI DUNG GHI BÀI**

**1. Sự đa dạng loài và sự phong phú về số lượng cá thể.**

\* Kết luận

- Thế giới động vật rất đa dạng về loài và phong phú về số lượng cá thể trong loài.

**2. Sự đa dạng về môi trường sống.**

\* Kết luận.

- Động vật có ở khắp nơi do chúng thích nghi với mọi môi trường sống.

**Bài 2. PHÂN BIỆT ĐỘNG VẬT VỚI THỰC VẬT**

 **ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA ĐỘNG VẬT**.

**I. MỤC TIÊU.**

 ***1. Kiến thức***

- Trình bày điểm giông nhau và khác nhau giữa cơ thể động vật và cơ thể thực vật

 - Kể tên các ngành động vật.

 ***2. Năng lực***

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

|  |  |
| --- | --- |
| N¨ng lùc chung | N¨ng lùc chuyªn biÖt |
| - Năng lực phát hiện vấn đề- Năng lực giao tiếp- Năng lực hợp tác- Năng lực tự học- N¨ng lùc sö dông CNTT vµ TT | - Năng lực kiến thức sinh học- Năng lực thực nghiệm- Năng lực nghiên cứu khoa học  |

**3. Về phẩm chất**

**G**iúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II NGHIÊN CỨU BÀI HỌC

|  |  |
| --- | --- |
| GV HƯỚNG DẪN HỌC SINH | NỘI DUNG GHI BÀI |
| I Phân biệt ĐV-TVHs đọc thông tin và quan sát hình 2.1. bảng 1:Động vật giống thực vật ở các đặc điểm nào ? Động vật khác thực vật ở các đặc điểm nào ? **II. Đặc điểm chung của động vật.**HS nghiên cứu thông tin và hoàn thành đánh dấu tích vào lệnh**III. Sơ lược phân chia giới động vật.****Hs đọc SGK/10****IV. Vai trò của động vật.**Hs đọc SGK và hoàn thành bảng2 ĐV có vai trò gì trong đời sống con người? | I Phân biệt động vật và thực vậtGiống: Cấu tạo từ tế bào Lớn lên và sinh sảnKhác nhau: di chuyển được, , dị dưỡng,hệ thần kinh và giác quan, thành xenlulô của tế bào, chất hữu cơ nuôi cơ thể.**II. Đặc điểm chung của động vật.**Di chuyểnCó hệ thần kinh và giác quanDị dưỡng**III. Sơ lược phân chia giới động vật.**- Có 8 ngành động vật + ĐV không xương sống :7 ngành.+ ĐV có xương sống: 1 ngành**IV. Vai trò của động vật.**\* Kết luận.- Động vật mang lại lợi ích nhiều mặt cho con người tuy nhiên một số loài có hại.\* Ghi nhớ SGK. |

**4. Hướng dẫn về nhà:**

 - Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

 - Chuẩn bị dụng cụ cho buổi thí nghiệm sau.

- Tìm hiểu đời sống của một số động vật xung quanh

- Ngâm cỏ khô vào bình nước trtước 5 ngày

- Váng nước ao hồ, rễ cây bèo Nhật bản